

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17/01/2023
V/v tranh chấp: “Ly hôn, con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thùy Liễu, bà Ngô Thị Thời.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Hồng Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 669/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01A/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/01/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị N**, sinh năm 1987; ĐKKHKT: Số 20 A, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Hiện cư trú tại: Số 17/208 khu C, phường C1, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Quang V**, sinh năm 1987; ĐKKHKT và cư trú: Số 20 A, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Chị N, anh V đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn đề nghị của nguyên đơn chị Trần Thị N, thể hiện: Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh V được tự do tìm hiểu một thời gian thì cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố H ngày 23/4/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Cuộc sống chung của anh chị không có hạnh phúc. Gia đình hai bên đã khuyên bảo, hòa giải nhưng vẫn không khắc phục được. Chị và anh V đã ly thân từ năm 2014, chị về gia đình nhà bố mẹ đẻ từ đó đến nay mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh V không còn. Do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị

được ly hôn anh V để hai bên sớm ổn định cuộc sống; Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Lệ X, sinh ngày 02/11/2007 và cháu Nguyễn Trần Kim X1, sinh ngày 28/8/2011. Các cháu hiện ở cùng chị do vậy khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cả hai con cho chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị tự nguyện không yêu cầu anh V cấp dưỡng tiền nuôi con chung; Quá trình chung sống vợ chồng chị không có tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp đối với gia đình hai bên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Tại văn bản trình bày ý kiến của anh Nguyễn Quang V, thể hiện: Về điều kiện kết hôn thống nhất như phần trình bày chị N. Sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc được khoảng 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Gia đình hai bên đã khuyên bảo, hòa giải nhưng vẫn không khắc phục được. Anh, chị đã ly thân từ năm 2014 đến nay mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng với chị N không còn. Do vậy chị N xin ly hôn, anh đồng ý. Vợ chồng có 02 con chung, các cháu có nguyện vọng được ở cùng mẹ cháu khi bố mẹ ly hôn. Do vậy chị N có nguyện vọng nuôi cả hai con và tự nguyện không yêu cầu anh cấp dưỡng tiền nuôi con chung, anh đồng ý; Quá trình chung sống vợ chồng anh không có tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh xác định hiện anh vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại số 20 A, phường B, thành phố H. Từ khi ly thân, anh ở địa chỉ trên cùng gia đình bố mẹ đẻ. Hiện nay anh đi làm tại Bình Phước. Anh đã biết việc Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án nhưng do tính chất công việc không thể thu xếp ra làm việc theo yêu cầu của Tòa án được, anh xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc tại Tòa án. Trường hợp Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án, anh xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Lời khai người thân hai bên gia đình chị N, anh V, thể hiện: Anh, chị lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và vấn đề kinh tế gia đình. Anh, chị đã ly thân từ năm 2014 đến nay, mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần cho anh chị nhưng không có kết quả. Nay chị N xin ly hôn đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của anh chị. Về con chung đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật đảm bảo quyền lợi cho các cháu. Chị N, anh V không có tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp với gia đình hai bên.

Tại đơn trình bày nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Lệ X, cháu Nguyễn Trần Kim X1, thể hiện: các cháu có nguyện vọng được ở cùng mẹ khi bố mẹ cháu ly hôn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, Điều 56, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83

Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Trần Thị N ly hôn anh Nguyễn Quang V; Về con chung: Đề nghị giao cháu Nguyễn Thị Lệ X, sinh ngày 02/11/2007 và cháu Nguyễn Trần Kim X1, sinh ngày 28/8/2011 cho chị Trần Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận nội dung chị N không yêu cầu anh V cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh V đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường B, thành phố H. Chị N, anh V đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị N, anh V là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị N, anh V được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định. Do vậy, quan hệ hôn nhân của chị N, anh V là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc khoảng một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự tin tưởng, thương yêu nhau. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2014 đến nay, mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Người thân gia đình chị N, anh V xác định quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn của anh, chị đã được gia đình hòa giải nhưng vẫn không khắc phục được. Chị N xin ly hôn, anh V cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy chị N, anh V đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị N ly hôn anh V là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.2] *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Lệ X, sinh ngày 02/11/2007 và cháu Nguyễn Trần Kim X1, sinh ngày 28/8/2011, chị N có nguyện vọng nuôi cả hai con và tự nguyện không yêu cầu anh V cấp dưỡng tiền nuôi con, anh V đồng ý. Cháu X, cháu X1 đều có nguyện vọng được ở cùng mẹ khi bố mẹ ly hôn. Do vậy cần giao cháu X, cháu X1 cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị N về việc không yêu cầu anh V cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên:* Chị N, anh V xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] *Về án phí:* Chị N xin ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị N ly hôn anh Nguyễn Quang V.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Lê X, sinh ngày 02/11/2007 và cháu Nguyễn Trần Kim X1, sinh ngày 28/8/2011 cho chị Trần Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N về việc không yêu cầu anh V cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh V có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về án phí: Buộc chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: **AA/2021/0002483 ngày 21/12/2022** của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương. Chị N đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí ly hôn sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Quang V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- Các đương sự;
- **UBND phường B để lưu hồ tịch (ĐKKH: 23/4/2007);**
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhan